

BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK PÉK

(Kèm theo Công văn số: 692 /UBND-KT ngày 31 / 10 /2025 của UBND xã Đăk Pék)

Đvt: Nghìn đồng/m²

ST T	Tên đường	Giá theo Quyết định hiện hành (QĐ 75/2024)	Giá thị trường theo m ngang (tư vấn khảo sát)	Giá thị trường phổ biến m2 (tư vấn khảo sát)	UBND xã đề xuất	Ghi chú (Sửa đổi/bổ sung/địa bàn xã cũ...)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
1	Độc trục đường Hồ Chí Minh					
-	Từ địa giới xã Đăk Môn và xã Đăk Pék đến hết đất nhà ông A Ngroc, Y Vưu (thôn Đăk Chung)	760	100.000	2.000	684	
-	Từ hết đất nhà ông A Ngroc, Y Vưu (thôn Đăk Chung) (Chung Năng) đến đầu đất nhà ông A Tet, Y Rôun (Thôn Đăk Tung)	735	100.000	2.000	662	
-	Từ đầu đất nhà ông A Tet, Y Rôun (Thôn Đăk Tung) đến Nam cầu Đăk Pôi	741	100.000	2.000	667	
-	Từ Bắc cầu Đăk Pôi đến đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang)	700	100.000	2.000	630	
-	Từ đầu đất nhà ông AK Lý, Y Rốp (thôn Long Nang) đến đầu đất nhà bà Thuận	760	100.000	2.000	684	
2	Hùng Vương					
-	Từ đầu đất nhà bà Thuận đến giáp bờ Nam suối Đăk Cốt	2.340	200.000	6.667	1.638	
-	Từ bờ Bắc suối Đăk Cốt đến bờ Nam cầu Đăk Pét	3.915	250.000	8.333	2.349	
-	Từ bờ Bắc cầu Đăk Pét đến ngã tư Trần Phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ	5.115	250.000	8.333	3.069	
-	Từ ngã tư Trần phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ đến phía Nam cầu treo nhà ông Quang	4.960	250.000	8.333	2.976	
-	Bắc cầu treo nhà ông Quang đến Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel)	5.120	250.000	8.333	3.072	
-	Từ Ngã ba Hùng Vương (đi vào Ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel) đến Nam cầu Đăk Gia	5.280	250.000	8.333	3.168	
-	Từ Bắc cầu Đăk Gia đến bờ phía Nam cống suối Kon Ier	3.680	200.000	6.667	2.576	
-	Từ bờ Bắc cống suối Kon Ier đến phía Nam cầu Đăk Ven	2.116	150.000	5.000	1.481	
-	Từ phía Bắc cầu Đăk Ven đến tiếp giáp với xã Đăk Plô	208	70.000	2.333	187	
3	Các đường nhánh phụ, độc đường Hùng Vương					
-	Từ đường Chu Văn An đi khu quy hoạch Đông Thượng	1.445	120.000	2.400	1.301	
-	Từ đường Hùng Vương - Ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel (tính mốc GPMB đường Hùng Vương vào sâu 50m là vị trí 1)	1.045	100.000	2.000	836	
-	Từ ngã ba Đăk Dền, Pêng Sel đến cầu treo Đăk Rang	900	120.000	2.400	810	
-	Từ ngã ba Đăk Dền đến đường lên Nhà máy nước	646	90.000	1.800	581	
-	Từ đường lên Nhà máy nước đến đoạn còn lại	180	60.000	1.200	162	
-	Từ ngã ba đường vào thôn Đăk Rú (thôn Đăk Rang) (nhà ông Đinh A Dồ (vợ bà Y Giấy) đến hết Khu dân cư	204	70.000	1.400	184	Chỉnh sửa đoạn đường
-	Từ đường Hùng Vương đến cầu tràn Suối Đăk Rang (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.105	110.000	2.200	995	
-	Từ nhà ông Vững đến cống Kon Ier cách 50m về phía Nam (tính từ chân cầu Đăk Gia - Ngã ba tiếp giáp với đường Hùng Vương, QL 14 cũ)	1.350	120.000	2.400	1.215	
-	Từ đường Hùng Vương đến ngã ba Đăk Lôi (tính từ mốc GPMB đường Hùng Vương sâu vào 50m là vị trí 1)	1.005	110.000	2.200	905	
-	Từ ngã ba Đăk Lôi đến ngã ba A Khanh - Đăk Ra	700	90.000	1.800	630	
-	Từ ngã ba Đăk Lôi đến hết Khu dân cư	600	80.000	1.600	540	Chỉnh sửa đoạn đường
4	Chu Văn An					
-	(Từ cầu treo nhà ông Quang sâu 50m đến giáp vị trí 1 đường Hùng Vương thôn Đăk Dung)	2.000	200.000	6.667	1.600	
5	Các tuyến đường nhánh giao với đường Hùng Vương					
-	Từ đường Hùng Vương đến hết đường QH (chợ) (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	3.040	250.000	8.333	2.736	
-	Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ	600	80.000	2.667	480	
-	Từ đường Hùng Vương đi nhà ông Quảng Nhung đến giáp đường quy hoạch chợ (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	945	100.000	3.333	756	

ST T	Tên đường	Giá theo Quyết định hiện hành (QĐ 75/2024)	Giá thị trường theo m ngang (tư vấn khảo sát)	Giá thị trường phổ biến m2 (tư vấn khảo sát)	UBND xã đề xuất	Ghi chú (Sửa đổi/bổ sung/địa bàn xã cũ...)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương (vật liệu xây dựng Huệ Tháo) đến hết Khu dân cư	768	90.000	3.000	691	Chỉnh sửa đoạn đường
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương nhà ông Gụ Thủy (phía Nam cầu Đắc Pét đến đất nhà ông Chính Mai)	589	80.000	2.667	471	
6	Lê Lợi					
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Lợi đến cổng C189 (tính từ chỉ giới đường đỏ sâu vào 50m tính là vị trí 1 đến hết phần đất nhà Ông A Ngân, bà Y Vía)	1.140	150.000	5.000	1.026	
-	Từ hết phần đất nhà Ông A Ngân, bà Y Vía đến hết đoạn còn lại	608	100.000	3.333	547	
7	Trần Phú					
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Trần Phú đến ngã tư Trần Phú - Hùng Vương (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	2.205	200.000	6.667	1.985	
8	Lê Hồng Phong					
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương - Lê Hồng Phong đến giáp đường Trần Phú (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	1.680	170.000	5.667	1.512	
-	Từ đường Trần Phú đến giáp đường Trần Hưng Đạo	900	120.000	4.000	810	
9	Lê Văn Hiến					
-	Cách ngã ba đường Hùng Vương - Lê Văn Hiến 50m đến hết đất nhà ông A Nghét (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	2.185	200.000	6.667	1.748	
-	Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngo	840	110.000	3.667	672	
10	A Khanh					
-	Từ ngã ba đường Hùng Vương - A Khanh đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	2.205	200.000	6.667	1.764	
-	Từ ngã ba đường đường Trần Hưng Đạo - A Khanh đến ngầm suối Đắc Pang	1.575	150.000	5.000	1.260	
-	Tuyến đường nhánh giao với đường A Khanh (Từ ngã ba đường A Khanh (thôn Đắc Ra) đi đường làng Măng Rao)	630	100.000	3.333	504	
11	Nguyễn Huệ					
-	Nguyễn Huệ (Từ cổng UBMTTQVN xã đến hết đường Nguyễn Huệ)	3.900	250.000	8.333	3.120	
12	Trần Hưng Đạo					
-	Từ cách đường Hùng Vương 50m đến hết phần đất nhà ông A Nghim (tính từ chỉ giới đường đỏ vào sâu 50m tính vị trí 1)	1.520	150.000	5.000	1.368	
-	Từ hết phần đất nhà ông A Nghim đến hết phần đất nhà bà Y Re	646	100.000	3.333	581	
-	Từ hết phần đất nhà bà Y Re đến cách đường A Khanh 50m	1.040	120.000	4.000	936	
13	Nguyễn Thị Minh Khai					
-	Nguyễn Thị Minh Khai	1.150	120.000	4.000	920	
14	Võ Thị Sáu					
-	Võ Thị Sáu (Từ nhà bà Hoàng Khử đến hết đất nhà ông Bảy Công)	672	100.000	3.333	605	
15	Lê Hữu Trác					
-	Lê Hữu Trác (Từ nhà ông A Cuối đến hết đất Trung tâm y tế)	672	100.000	3.333	605	
16	Giá đất ở khu dân cư nông thôn					
-	Các vị trí đất ở còn lại (tại thôn Đắc Xanh, Đắc Ra, 16/5, Đắc Dung, Đông Sông)	585	90.000	1.800	527	
-	Đường từ ngầm suối Đắc Pang đến hết trường Võ Thị Sáu (DH83)	308	70.000	1.400	277	
-	Từ trường Võ Thị Sáu đến giáp đầu khu dân cư làng Đắc Đoát (ĐH83)	144	50.000	1.000	130	
-	Từ đầu làng Đắc Đoát đến hết khu vực xã Đắc Pék (ĐH83)	195	60.000	1.200	176	
17	Giá đất ở các khu vực khác					
-	Xã Đắc Pék	120	40.000	800	108	